

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác tháng 10 và kế hoạch công tác tháng 11 năm 2023

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có một số thuận lợi như: Mưa tương đối đều trên diện rộng, thuận lợi cho cây trồng phát triển; giá lúa, dừa khô, rau màu các loại ổn định ở mức cao, nông dân sản xuất có lợi nhuận khá; diện tích xuống giống lúa Thu Đông cao hơn cùng kỳ và vượt chỉ tiêu kế hoạch; các loại dịch bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi như cúm gia cầm, lở mồm long móng gia súc, viêm da nổi cục trên trâu, bò, đại chó mèo được kiểm soát tốt; thủy sản nuôi thiết hại rải rác nhưng ở mức thấp và giảm hơn so cùng kỳ. Tuy nhiên, cũng có một số khó khăn như mưa lớn gây ngập úng cục bộ một số diện tích lúa Thu Đông mới xuống giống và trong giai đoạn mạ; giá tôm nuôi các loại tăng nhẹ nhưng vẫn còn ở mức thấp, giá phân bón tăng nhẹ gây ảnh hưởng đến tâm lý người sản xuất; giá heo hơi giảm, bệnh dịch tả heo Châu Phi xuất hiện khả năng sẽ ảnh hưởng đến việc tái đàn và ảnh hưởng đến tình hình phát triển chăn nuôi của tỉnh. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, cụ thể như sau:

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy 01 báo cáo⁽¹⁾

Hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân 02 Nghị quyết⁽²⁾; tiếp tục thực hiện quy trình xây dựng 02 Nghị quyết⁽³⁾

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh 02 Quyết định⁽⁴⁾; 04 Kế hoạch⁽⁵⁾

⁽¹⁾ Báo cáo đánh giá 01 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

⁽²⁾ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 27/02/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021- 2025; Nghị quyết thông qua giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

⁽³⁾ Sửa đổi Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND về Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025 (đang đăng cổng TTĐT); nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí, ổn định các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021- 2025 (đã hoàn thành hồ sơ gửi UBMTTQ phân biện).

2. Kết quả sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn

Diện tích gieo trồng trong tháng 38.833 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng được 251.606 ha, đạt 99,05% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 4.388 ha, cụ thể:

- Cây lúa: Gieo sạ 36.398 ha (vụ Thu Đông), thu hoạch 5.892 ha (vụ Hè Thu). Lũy kế đến nay gieo sạ 203.144 ha, vượt 0,85% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 4.043 ha; thu hoạch 131.590 ha, chiếm 64,78% diện tích xuống giống, ước sản lượng 737,67 ngàn tấn, cụ thể:

+ Thu hoạch dứt điểm vụ mùa, Đông Xuân 63.201 ha, đạt 100% diện tích xuống giống, sản lượng 384.133 tấn (vụ mùa 1.142 ha, năng suất trung bình 4,42 tấn/ha, sản lượng 5.048 tấn; vụ Đông Xuân 62.059 ha, năng suất trung bình 6,1 tấn/ha, sản lượng 383.814 tấn).

+ Vụ Hè Thu: Thu hoạch 5.892 ha, lũy kế đến nay thu hoạch dứt điểm 68.390 ha, đạt 99,97% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 5,15 tấn/ha (cao hơn 0,45 tấn/ha so cùng kỳ). Mất trắng 19 ha (do mưa liên tục khi lúa mới xuống giống làm thiệt hại 19 ha lúa tại ấp 12 xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải).

+ Vụ Thu Đông: Xuống giống 36.398 ha, lũy kế đến nay xuống giống 71.534 ha, vượt 4,8% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 6.815 ha. Hiện lúa đang phát triển tốt.

+ Vụ mùa 2023-2024: Xuống giống 987 ha, gồm Châu Thành 290 ha, Cầu Ngang 101 ha, Trà Cú 596 ha.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 2.435 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng 48.462 ha, đạt 92,16% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 346 ha, gồm: Màu lương thực 5.430 ha, màu thực phẩm 28.363 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 14.669 ha.

* *Ảnh hưởng ngập úng do mưa*: Theo tổng hợp báo cáo từ các địa phương do ảnh hưởng mưa lớn gây ngập úng 415 ha lúa Thu Đông (Trà Cú 400 ha, Duyên Hải 15 ha) người dân đã khắc phục xong (gieo sạ, tía dặm). Đối với rau màu ngập 06 ha (Tiểu Cần) trên cải 04 ha, bắp 02 ha và gây sập dàn dưa leo đang cho trái 0,6 ha (Châu Thành), các hộ dân đã khắc phục, chưa ghi nhận thiệt hại.

- Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân bón phân cân đối để cây lúa khỏe, hạn chế đổ ngã để cho năng suất cao nhất; tăng cường công tác dự tính, dự báo sâu bệnh, khuyến cáo nông dân thường xuyên thăm đồng, kịp thời phát hiện và phòng, trị các loại sâu bệnh gây hại, hướng dẫn chăm sóc đến giai đoạn an toàn; theo dõi và hướng dẫn nông dân phòng trị các loại sâu bệnh trên cây ăn trái và

⁽⁴⁾ Quyết định ban hành quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt để luân chuyển trong cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; Quyết định ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh.

⁽⁵⁾ Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2023 và năm 2024; kế hoạch triển thực hiện chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2024; Phương án trồng rừng thay thế của Dự án Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (giai đoạn 2) và Dự án xây dựng công viên xã Trường Long Hòa; Kế hoạch điều chỉnh Kế hoạch số 32/KH/UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh về chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa giai đoạn 2021-2025.

rau màu các loại; xây dựng dự thảo và lấy ý kiến các địa phương lịch thời vụ xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2023-2024. Tiếp tục kiểm tra, đánh giá, giám sát mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, đến nay được Cục Bảo vệ thực vật duy trì và cấp mới 23 mã số phục vụ xuất khẩu; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận cấp 01 mã số, lũy kế đến nay 45 mã số vùng trồng trong nước (Trà Cú 11; Càng Long 7; Cầu Kè 07; Cầu Ngang 06, Châu Thành 03, Duyên Hải 01, Tiểu Cần 09, thành phố Trà Vinh 01). Thâm định, cấp mới và cấp lại 09 giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, lũy kế đến nay cấp mới và cấp lại 50 giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (phân bón 19, thuốc BVTV 31).

b) Chăn nuôi, thú y

Tình hình chăn nuôi không được thuận lợi, giá heo hơi giảm nhẹ, giá bò hơi, gia cầm ổn định nhưng ở mức thấp, chăn nuôi hiệu quả không cao; bệnh dịch tả heo Châu Phi xuất hiện tại huyện Cầu Kè gây ảnh hưởng đến tâm lý người chăn nuôi trong việc tái đàn.

Bệnh Dịch tả heo Châu Phi (DTHCP) phát sinh ở 02 hộ chăn nuôi tại xã Tam Ngãi và Hòa Tân, huyện Cầu Kè; tổng đàn 86 con, số heo mắc bệnh 72 con, (đàn heo ở xã Hòa Tân (28 con) đã tiêm phòng DTHCP ngày 12/9/2023, thuốc của công ty AVAC); ngành đã chỉ đạo đơn vị chuyên môn tiêu hủy số heo bị bệnh và xử lý ô dịch theo quy định, đến nay không phát sinh ô dịch mới. Từ đầu năm 2023 đến nay, bệnh DTHCP đã xảy ra tại 10 ấp, 09 xã, 05 huyện, thị xã (thị xã Duyên Hải, Cầu Ngang, Trà Cú, Cầu Kè và Châu Thành). Số heo mắc bệnh 272 con trên tổng đàn 397 con của 10 hộ; số heo tiêu hủy 378 con (19 con còn lại hộ chăn nuôi tự tiêu hủy và bán trước đó), trọng lượng heo tiêu hủy 15.104 kg. Các loại dịch bệnh nguy hiểm khác tiếp tục được kiểm soát tốt.

Vận động tiêm phòng vaccine Cúm gia cầm trên 492,35 ngàn con, LMLM gia súc 23,62 ngàn con, Đại chó mèo 4,16 ngàn liều, DTHCP 1,19 ngàn con, Viêm da nổi cục trên trâu, bò 23,17 ngàn liều, các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 40,47 ngàn liều và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 189,66 ngàn liều. Nâng đến nay đã tiêm phòng vắc xin Cúm gia cầm 2,63 triệu con (đạt 44,38% kế hoạch), LMLM 163,44 ngàn con (đạt 49,71% kế hoạch, riêng đàn bò đạt 66,58% kế hoạch), Viêm da nổi cục 112,33 ngàn con (đạt 61,06% kế hoạch); Đại chó mèo 32,81 ngàn liều (đạt 30,85% kế hoạch), DTHCP 1,4 con; các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 545,16 ngàn liều (đạt 77,8% kế hoạch) và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 3,35 triệu liều.

Kiểm dịch 2.395 con heo; 1.056 con bò, 83.583 con gia cầm; 10,65 tấn sản phẩm động vật và kiểm dịch 55,4 triệu con giống thủy sản. Nâng tổng số đến nay kiểm dịch 106.033 con heo (giảm 72.709 con so cùng kỳ); 23.709 con bò (tăng 12.552 con), 1,42 triệu con gia cầm (tăng 43.625 con); 436,6 tấn sản phẩm động vật (tăng 116 tấn) và kiểm dịch 1,26 tỷ con tôm giống (tăng 223 triệu con).

c) Lâm nghiệp

Trồng mới 14 ha rừng, tổ chức 05 cuộc tuyên truyền pháp luật trong lĩnh vực Lâm nghiệp, với 150 người dự; tổ chức 117 lượt tuần tra bảo vệ rừng, cấp 09 bảng kê xuất bán động vật hoang dã. Nâng tổng số đến nay trồng mới 50 ha rừng (39,5 ha rừng Đước đôi và 10 ha rừng Bần chua, 0,5 ha phi lao), chăm sóc 116 ha rừng, đạt 100%, khoán bảo vệ rừng 3.348,74 ha (đạt 95,95% kế hoạch); tổ chức 08 cuộc tuyên truyền pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp, với 234 người dự; tổ chức 825 lượt tuần tra bảo vệ rừng phát hiện 05 trường hợp vi phạm, đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khắc phục lại hậu quả; cấp 10 mã số gây nuôi động vật hoang dã; 54 bảng kê xuất bán động vật hoang dã.

Thẩm định hồ sơ thiết kế và dự toán thi công trồng rừng thuộc Dự án Đầu tư trồng rừng phòng hộ ven biển ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025; trình phê duyệt trồng rừng thay thế của Dự án Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (giai đoạn 2) và Dự án Xây dựng Công viên xã Trường Long Hòa; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Trà Vinh năm 2023 và năm 2024; tổ chức khảo sát khu vực trồng rừng năm 2024.

d) Thủy sản: Tình hình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, thực hiện tốt công tác giám sát và chuyên giao khoa học kỹ thuật phục vụ cho nuôi trồng thủy sản, từng bước cơ cấu lại con nuôi, lịch thả giống thích nghi với biến đổi khí hậu. Sản lượng thu hoạch 18.656 tấn. Nâng đến nay thu hoạch 211.232 tấn (sản lượng nuôi 167.052 tấn, sản lượng khai thác 44.180 tấn), đạt 86,38% kế hoạch, tăng 23.081 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng: Thả nuôi 544 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 1.460 ha; thu hoạch 13.309 tấn. Nâng đến nay thả nuôi 7,16 tỷ con tôm, cá giống các loại, diện tích 58.782 ha, vượt 12,82%; thu hoạch 167.052 tấn (tăng 19.242 tấn so cùng kỳ), đạt 92,7% kế hoạch (tôm sú 12.600 tấn, tôm thẻ chân trắng 71.104 tấn, cua 5.572 tấn, cá lóc 49.831 tấn, cá tra 11.447 tấn, tôm càng xanh 2.082 tấn, cá các loại 8.582 tấn) trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 453 triệu con giống, diện tích 1.057 ha, thu hoạch 6.329 tấn. Nâng đến nay thả nuôi 6,46 tỷ con giống, diện tích 54.293 ha, cụ thể: Thả nuôi 1,56 tỷ con tôm sú giống, diện tích 24.060 ha; 5,15 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 7.072 ha (thâm canh mật độ cao 2,02 tỷ con, diện tích 1.040 ha); cua biển 150 triệu con giống, diện tích 22.626 ha; thu hoạch 95.109 tấn (cao hơn cùng kỳ 13.783 tấn), đạt 97,05% kế hoạch. Tuy nhiên, do môi trường ao nuôi không ổn định, tạo điều kiện cho mầm bệnh phát sinh gây thiệt hại 128,25 triệu con tôm sú (chiếm 8,5% lượng con giống thả nuôi), diện tích 729,3 ha; 648,56 triệu con tôm thẻ (chiếm 12,6% lượng con giống thả nuôi), diện tích 1.042 ha, tôm chết ở giai đoạn từ 25 - 50 ngày tuổi, đa số có dấu hiệu của bệnh đốm trắng, đỏ thân, gan tụy, đường ruột và chậm phát triển giai đoạn đầu.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 45,6 triệu con tôm, cá giống các loại với diện tích 403 ha, thu hoạch 6.980 tấn. Nâng đến nay thả nuôi 340,32 triệu con tôm, cá giống các loại với diện tích 4.489 ha. Thu hoạch 71.942 tấn (cao hơn cùng kỳ 5.458 tấn), đạt 78,52% kế hoạch.

* Đăng ký nuôi các đối tượng chủ lực (tôm): Có 40 hộ nuôi (diện tích 34,09 ha; 100 ao) trên địa bàn huyện Duyên Hải đăng ký nuôi đối tượng chủ lực và đã được cấp giấy xác nhận đăng ký nuôi. Tính chung từ năm 2021 đến nay, có 127 hộ (55,83 ha, 242 ao) nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng đăng ký nuôi và đã được cấp giấy xác nhận (Cầu Ngang 75 hộ, 16,37 ha, 99 ao; Duyên Hải 40 hộ, 33,43 ha, 85 ao; Thị xã Duyên Hải 11 hộ, 5,75 ha, 52 ao; Châu Thành 01 hộ, 0,31 ha, 06 ao).

- Khai thác: Toàn tỉnh có 880 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 115.367 KW, tổng dung tích 16.529 TĐK (tấn đăng ký); phối hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh hỗ trợ ngư dân lắp đặt thiết bị giám sát hành trình được đạt 100% kế hoạch; cấp 13 giấy phép khai thác thủy sản, từ đầu năm đến nay cấp 131 giấy phép khai thác thủy sản; Tính chung từ năm 2017 đến nay cấp 850 giấy phép khai thác thủy sản theo Luật Thủy sản 2017 (*cấp mới 631 giấy, cấp lại 206 giấy*). Ước sản lượng khai thác 5.347 tấn; trong đó, khai thác nội đồng 435 tấn, khai thác hải sản 4.912 tấn. Nâng đến nay sản lượng khai thác 44.180 tấn (4.087 tấn tôm), đạt 68,66% kế hoạch (*tăng 3.839 tấn so cùng kỳ*), trong đó, khai thác nội đồng 6.224 tấn (669 tấn tôm), khai thác hải sản 37.956 tấn (3.418 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long thu mua 344 tấn tôm thẻ chân trắng, chế biến 675 tấn, tiêu thụ 326 tấn, kim ngạch xuất khẩu 4,73 triệu USD. Nâng tổng số đến nay doanh nghiệp thu mua 2.745 tấn tôm (113 tấn tôm sú, 2.587 tấn tôm thẻ), chế biến 4.824 tấn, tiêu thụ 2.595 tấn, kim ngạch xuất khẩu 32,77 triệu USD

e) Phát triển nông thôn

* *Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM)*: Tiếp tục phối hợp với các Sở, ban ngành và địa phương tổ chức tuyên truyền sâu, rộng trong nhân dân về xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; tiếp và làm việc với Đoàn giám sát của Thường trực HĐND tỉnh về giám sát kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2023; tiếp và làm việc với Văn phòng Điều phối NTM Trung ương tổ chức khảo sát, kiểm tra, đánh giá thực tế tại tỉnh Trà Vinh về bảo vệ môi trường và quy hoạch nông thôn; xây dựng kế hoạch kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2023 trên địa bàn huyện Càng Long và Châu Thành.

- Xã nông thôn mới: Đến nay duy trì có 85/85 xã đạt chuẩn NTM, đạt 100% số xã. Các xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016 - 2020 đang rà soát và nâng chất theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025.

- Xã nông thôn mới nâng cao: Tính đến nay, toàn tỉnh có 38 xã đạt NTM nâng cao. Năm 2023, có 10 xã đăng ký và 03 phần đầu đạt NTM nâng cao, đến nay có 01 xã đạt 18/19 tiêu chí, 02 xã đạt 17 tiêu chí, 02 xã đạt 16 tiêu chí, 02 xã đạt 15 tiêu chí, 04 xã đạt 14 tiêu chí, 02 xã đạt 13 tiêu chí. Hiện các xã đang tập trung thực hiện các tiêu chí chưa đạt.

- Xã NTM kiểu mẫu: Toàn tỉnh có 03 xã NTM kiểu mẫu: Xã Long Đức, An Phú Tân, An Trường.

- Huyện Nông thôn mới: Hiện nay toàn tỉnh có 08/9 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Huyện Trà Cú đạt 9/9 tiêu chí, địa phương đang hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh trình Trung ương thẩm định.

- Huyện nông thôn mới nâng cao: Huyện Cầu Kè, Tiểu Cần đạt 5/9 tiêu chí (gồm tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 9). Địa phương đang khẩn trương thực hiện quyết liệt các tiêu chí chưa đạt (5, 6, 7, 8), dự kiến đến cuối năm sẽ đạt các tiêu chí còn lại và hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh trình Trung ương xem xét công nhận.

** Chương trình OCOP, ngành nghề nông thôn:*

- Tiếp tục triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2023; triển khai thực hiện gói thầu lắp đặt 05 Pano tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường làng nghề năm 2023 trên địa bàn các huyện Trà Cú, Tiểu Cần và Càng Long; chuẩn bị in tờ rơi tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường làng nghề năm 2023 và xây dựng Kế hoạch kiểm tra giám sát đánh giá môi trường làng nghề.

- Trong tháng công nhận 06 sản phẩm OCOP, từ đầu năm đến nay công nhận và tái công nhận 30 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP. Tính chung đến nay, trên địa bàn tỉnh có 214 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP (gồm 06 sản phẩm tiềm năng 5 sao; 03 sản phẩm 5 sao, 38 sản phẩm 4 sao; 167 sản phẩm 3 sao).

Phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố hỗ trợ thủ tục, hồ sơ thực hiện Chính sách hỗ trợ Chương trình OCOP năm 2023. Phối hợp với Viettel Trà Vinh tổ chức lớp đào tạo kỹ năng bán hàng online qua mạng xã hội thời đại số; tổng hợp báo cáo tiến độ triển khai hỗ trợ cơ sở OCOP năm 2023; tiếp tục triển khai, các chính sách hỗ trợ cơ sở tham gia chương trình OCOP; chuẩn bị in tem cho sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên và tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm; rà soát đăng ký xây dựng câu chuyện sản phẩm OCOP; tổ chức tham gia xúc tiến thương mại tại thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Cần Thơ; tham dự chấm điểm đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP của huyện; tiếp nhận, tổng hợp hồ sơ đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2023 do cấp huyện gửi về (lần 1) và tổ chức họp chấm điểm sản phẩm OCOP. Tổ chức 22 lớp tập huấn chương trình OCOP cho các cơ sở, doanh nghiệp tham gia nắm rõ về chương trình OCOP. Tiếp tục phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tiểu Cần hỗ trợ, theo dõi tiến độ triển khai Dự án chuỗi giá trị Mật Hoa dừa.

** Kinh tế hợp tác:* Tổ chức 02 lớp tập huấn củng cố hoạt động HTX trên địa bàn huyện Châu Thành; xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất. Lập danh sách đăng ký 04 học viên (Giám đốc, chủ tịch HĐQT) tham gia khóa học nâng cao năng lực hoạt động của HTX nông nghiệp do trường Chính sách công và Phát triển nông thôn tổ chức. Tổng hợp ý kiến đề xuất sửa đổi Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

* *Bố trí dân cư*: Triển khai thực hiện dự án Di dân khẩn cấp khu vực sạt lở nguy hiểm xã Định An, huyện Trà Cú và Dự án di dân sạt lở cấp bách khu vực Cồn Nhàn xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

* Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục thực hiện Dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (do Bộ Nông nghiệp và PTNT làm chủ đầu tư): đang thiết kế bản vẽ thi công; dự án Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang: thẩm định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trong tháng lắp đặt đồng hồ nước cho 514 hộ. Nâng tổng số đến nay đã cung cấp cho 174.787 hộ sử dụng nước máy. Tiếp tục thực hiện các quy trình chuyển Trung tâm Nước sạch và VSMTNT thành công ty cổ phần.

4. Xây dựng cơ bản, công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

a) Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

Phối hợp với Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi kiểm tra, vận hành công tiêu thoát nước phụ vụ thu hoạch lúa vụ Hè Thu cuối vụ, xuống giống lúa Thu Đông và trồng rau màu; chuyên bản tin dự báo nguồn nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long phục vụ chỉ đạo sản xuất và điều hành cấp nước mùa kiệt năm 2022 - 2023 đến các đơn vị liên quan. Tham mưu theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2026; đồng thời triển khai Công điện số 06/CĐ-UBND ngày 06/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ động triển khai các biện pháp ứng phó với các tác động của hiện tượng El Niño trên địa bàn tỉnh.

Tham gia nghiệm thu hoàn thành các công trình: Nạo vét 04 kênh cấp II, xã Long Sơn và Thạnh Hòa Sơn, huyện Cầu Ngang; sửa chữa cầu trục các cống: Hiệp Hòa, Bà Trâm, Mỹ Văn, Rạch Rum; sửa chữa cửa, thay khung cửa số 1 cống Rạch Rum.

Tham gia nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng công trình: Sửa chữa sụp lún mái kè, tường hắt sóng và biển báo Kè bảo vệ bờ biển xã Hiệp Thạnh và Kè Cồn Trứng, thị xã Duyên Hải; nạo vét 07 kênh cấp II xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang.

Tổ chức 24 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, kè, phát hiện 04 trường hợp vi phạm đến hành lang an toàn đê, kè, các trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê đã tiến hành xử lý theo quy định. Nâng đến nay tổ chức 192 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, kè, phát hiện 37 trường hợp vi phạm đến hành lang an toàn đê, kè, các trường hợp vi phạm chủ yếu xây dựng nhà, chuồng bò, đơn vị chuyên môn kết hợp với chính quyền địa phương lập biên bản xử lý theo quy định. Tổ chức 25 lớp tập huấn, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho với 729 người dự nhằm nâng cao ý thức phòng, tránh thiên tai cho các hộ dân thường xuyên bị ảnh hưởng.

*** Tình hình thiên tai:**

- Theo tổng hợp báo cáo từ Văn phòng Thường trực BCH PCTT và TKCN huyện Tiều Cần, huyện Cầu Ngang, mưa kèm theo dông lốc ngày 24/9/2023 làm thiệt hại 04 căn nhà (sập hoàn toàn 01 căn tại ấp Nô Pộc, xã Trường Thọ, huyện Cầu Ngang; tốc mái (tol) 02 căn nhà, tốc vách lá 01 căn nhà tại ấp Sóc Cầu, xã Hùng Hòa, huyện Tiều Cần, ước tổng thiệt hại 50 triệu đồng. Địa phương đã vận động khắc phục.

- Mưa lớn nhiều ngày làm cho chân nền mất độ kết dính và trượt gây sạt lở 10 m đê (tuyến đê Hồ Tàu - Đông Hải), ấp Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải. Ngành đã chỉ gia cố, khắc phục.

b) Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi, triển khai thực hiện 11 dự án, gồm: 01 công trình lâm nghiệp, 05 công trình đê kè; 02 công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp, 02 công trình phục vụ thủy sản, 01 công trình di dân. Giải ngân đến 16/10/2023 là 123,19 tỷ đồng, đạt 53,23% kế hoạch vốn 2023.

5. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm (ATTP), quản lý tàu cá, cảng cá và thanh tra, kiểm tra.

Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP: Hướng dẫn, tiếp nhận 07 cơ sở ký bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn. Thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP 18 cơ sở (05 cơ sở loại A, 13 cơ sở loại B); cấp 07 giấy Chứng nhận đủ điều kiện ATTP; thu 12 mẫu nông sản thực phẩm để phân tích chỉ tiêu chất lượng và ATTP; thông tin 01 cuộc kết quả giám sát về ATTP nông lâm thủy sản trên Đài Truyền hình Trà Vinh. Nâng đến nay hướng dẫn, tiếp nhận 85 cơ sở ký bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn. Thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP 151 cơ sở (43 cơ sở loại A, 95 cơ sở loại B, 03 cơ sở xin tạm ngưng hoạt động, 10 cơ sở xin ngưng hoạt động); cấp 69 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (25 cấp mới, 44 cấp lại); cấp 19 giấy chứng nhận xuất xứ nhãn thể 02 mảnh vỏ; kiểm tra, giám sát và thu mẫu phân tích chữ đường tại Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh, kết quả Công ty thực hiện đúng quy định về công bố hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng mía nguyên liệu QCVN 01-98/2012/BNNPTNT. Thu 325 mẫu nông sản, thực phẩm để phân tích chỉ tiêu chất lượng và ATTP; tổ chức 43 lớp tập huấn, tuyên truyền phổ biến kiến thức, quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn, có 1.454 người dự; phối hợp Trung tâm chất lượng Nông lâm thủy sản vùng tổ chức 06 lớp tập huấn “Chương trình quản lý chất lượng thực phẩm theo HACCP”, có 30 người dự; thông báo 08 bản tin kết quả giám sát về ATTP nông lâm thủy sản trên Đài Truyền hình Trà Vinh; cấp 03 giấy xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho 03 cơ sở gồm: Cơ sở Tiến Hải, HTX Bưởi da xanh Hùng Hòa, Công ty TNHH Green Farm Trà Vinh.

Quản lý tàu cá, cảng cá: Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 1.726 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 2.061 tấn hàng hoá và cho thuê mặt băng, dịch vụ cảng với số tiền 150,7 triệu đồng; thực hiện IUU tại Cảng cá Đinh An tổ chức thu nhận nhật ký khai thác hải sản 255 giấy cho tàu cá; hướng dẫn 02 tàu được lắp đặt thiết bị giám

sát hành trình. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 13.377 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 10.840 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng, dịch vụ cảng với số tiền 1.189 triệu đồng; thực hiện IUU tại Cảng cá Định An tổ chức thu nhận nhật ký khai thác hải sản 2.345 giấy cho tàu cá; Kết hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh và địa phương đảm bảo an ninh trật tự khu vực Cảng cá Láng Chim và Cảng cá Định An; chuẩn bị tốt nhất các điều kiện, sẵn sàng hỗ trợ ngư dân đưa tàu về nơi neo đậu an toàn khi xảy ra mưa bão; hướng dẫn 249 tàu được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá (trong đó 236 tàu có chiều dài từ 15 mét đến dưới 24 mét, 13 tàu có chiều dài từ 24 mét trở lên), đạt 100% số tàu khai thác xa bờ.

Thanh tra, kiểm tra 01 hộ giết mổ heo, 02 quầy mua bán thịt heo; 01 cơ sở giết mổ gia súc tập trung, 10 cơ sở kinh doanh phân bón, 21 cơ sở kinh doanh thực phẩm, 27 lượt phương tiện vận chuyển gia súc, gia cầm và giống thủy sản; 01 cơ sở kinh doanh giống lúa; 16 hộ dân trồng sầu riêng; 01 cơ sở thu mua sầu riêng; 32 phương tiện tàu cá; thu 20 mẫu hàng hóa các loại phân tích kiểm tra chất lượng; phát hiện và xử lý 14 trường hợp theo qui định. Nâng đến nay thanh tra, kiểm tra 27 hộ giết mổ gia súc (heo), 126 quầy mua bán thịt heo; 07 lượt cơ sở giết mổ gia súc tập trung; 74 cơ sở kinh doanh phân bón; 123 cơ sở kinh doanh thực phẩm; 56 cơ sở kinh doanh thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; 52 lượt phương tiện vận chuyển gia súc, gia cầm và giống thủy sản; 02 công ty kinh doanh thức ăn thủy sản và sản phẩm xử lý môi trường; 01 hợp tác xã Nông nghiệp; 07 cơ sở kinh doanh giống cây trồng nông nghiệp; 06 công ty sản xuất và kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp; 06 cơ sở kinh doanh giống lúa; 64 cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; 16 hộ dân trồng sầu riêng; 01 cơ sở thu mua sầu riêng; 626 phương tiện tàu cá; thu 256 mẫu nông sản; phát hiện và xử lý 80 trường hợp vi phạm theo đúng qui định.

b) Công tác khuyến nông và công tác giống

Công tác khuyến nông: Phối hợp tổ chức 15 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản cho 450 lượt người dự; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện 05 cuộc tọa đàm (02 cuộc tọa đàm lưu động); cấp phát 626 tờ bướm các loại; tổ chức đưa nông dân tham gia Hội thi người nuôi tôm giỏi vùng ĐBSCL tại tỉnh Bạc Liêu. Nâng đến nay tổ chức 111 lớp tập huấn kỹ thuật (34 lớp trồng trọt, 39 lớp chăn nuôi, 38 lớp thủy sản) cho 1.140 lượt nông dân dự; cấp phát 3.452 tờ bướm về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản. Kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện 02 phóng sự về “nuôi ốc bươu đen thương phẩm” và 01 “quản lý đàn vật nuôi trong điều kiện khô, hạn”; 12 cuộc tọa đàm (05 cuộc tọa đàm lưu động); tổ chức 01 chuyến tham quan học tập kinh nghiệm tại tỉnh Cà Mau; tổ chức đưa nông dân đi tham gia Hội thi người nuôi tôm giỏi vùng ĐBSCL tại tỉnh Bạc Liêu; phối hợp với địa phương tiếp tục thực hiện theo dõi 11 mô hình trình diễn thuộc mô hình thực nghiệm giống cây, con mới, Chương trình Khuyến nông Quốc gia và các dự án kết hợp. Phối hợp đơn vị tư vấn thẩm định giá trị kho lạnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá trị tài sản để hình thành tài sản Nhà nước phục vụ xây dựng đề án hoạt động, vận hành

kho lạnh thông minh và đề án liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong việc vận hành kho lạnh thông minh.

Công tác giống:

+ Giống cây trồng: vụ Thu Đông xuống giống 7,3 ha đang trong giai đoạn đẻ nhánh đến đòng trổ, phát triển tốt; chăm sóc vườn cây giống, cam sành không hạt S₁, cây S₀ quýt đường phát triển tốt; cung ứng 360 kg bưởi thương phẩm, 7.226 trái dứa và 6.758 cây giống các loại. Nâng tổng số đến nay ươm 5.050 trái dứa giống, chiết 5.505 nhánh chanh; cung ứng 1.210 kg bưởi thương phẩm, 7.226 trái dứa và 6.758 cây giống các loại.

+ Giống thủy sản: Xuất bán 90 triệu con post tôm càng xanh toàn đực; 500 ngàn con post tôm sú; thu hoạch 7,85 tấn tôm thẻ thương phẩm. Nâng tổng số đến nay, xuất bán 12,26 con post tôm càng xanh toàn đực, 02 triệu con post tôm sú; thu hoạch 24 tấn tôm thẻ thương phẩm.

+ Chăn nuôi: Thả nuôi 40 con heo thịt thương phẩm, đã xuất bán; nuôi vỗ béo 05 con bò thịt, đang phát triển tốt.

6. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Giá tôm nguyên tăng nhẹ nhưng vẫn còn ở mức thấp nên người dân còn e ngại, chưa mạnh dạn đầu tư cho việc tái sản xuất.

Tỷ lệ tiêm phòng cho đàn vật nuôi một số bệnh nguy hiểm đạt thấp, chưa bảo hộ được cho đàn vật nuôi. Bệnh dịch tả heo Châu Phi xuất hiện, giá heo hơi giảm gần bằng với giá thành ảnh hưởng đến tình hình phát triển chăn nuôi của tỉnh, nhất là việc tái đàn phục vụ Tết nguyên đán năm 2024.

Một số vùng trũng, thoát nước chậm, mưa lớn gây ngập úng cục bộ một số diện tích lúa Thu Đông mới xuống giống và trong giai đoạn mạ.

Giá lúa, hoa màu ở mức cao, tuy nhiên đầu vụ sản xuất, giá phân bón có chiều hướng tăng, làm tăng chi phí sản xuất, hiệu quả sản xuất giảm.

Tình hình giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn chậm, mới đạt hơn 53% kế hoạch vốn phân bổ.

II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 11

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành:

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân ban hành: Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân thuộc Chương trình bố trí, ổn định các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021- 2025; sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Tăng cường công tác dự tính, dự báo sâu bệnh trên các loại cây trồng, đặc biệt hướng dẫn nông dân chăm sóc cây lúa đến giai đoạn an toàn, chú ý nhất là bệnh đạo ôn hại lúa, lem lép hạt; theo dõi bầy đàn, dự báo tình hình rầy nâu để nông dân phòng trị kịp thời; kết hợp địa phương tuyên truyền, hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng, tập trung xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2023 - 2024 đồng loạt theo khung lịch thời vụ; chuẩn bị kế hoạch phòng, chống hạn, mặn mùa khô 2023-2024. Kết hợp Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi vận hành công, điều tiết nước phục vụ điều tiết nước phục vụ sản xuất và dân sinh. Tiếp tục khuyến cáo nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa và chuyển đổi diện tích đất trồng lúa sang các loại cây trồng khác theo Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 23/4/2021; hỗ trợ các HTX xây dựng dự án liên kết sản xuất, đồng thời tiếp tục mời gọi các công ty, doanh nghiệp tham gia liên kết, tiêu thụ sản phẩm trên các loại cây trồng.

Kết hợp thống kê rà soát thống nhất diện tích, năng suất sản lượng các loại cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác vụ mùa, đồng thời triển khai kế hoạch xuống giống cây màu vụ Đông Xuân năm 2024, nhất là các loại cây màu phục vụ Tết nguyên đán, quan tâm phát triển diện tích màu theo hướng hữu cơ, an toàn, công nghệ cao; khuyến khích nông dân chuyển sang trồng màu ở những vùng khó khăn trong sản xuất lúa vụ Đông Xuân.

2. Chăn nuôi và thú y

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh năm 2023; giám sát tình hình dịch bệnh và tuyên truyền sâu rộng về nguy cơ bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm, nhất là bệnh Cúm gia cầm, LMLM gia súc, Đại chó, mèo; phối hợp với địa phương tăng cường vận động tuyên truyền các hộ chăn nuôi tập trung, chủ động tiêm phòng các loại vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm để bảo hộ đàn vật nuôi; giám sát tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi để chủ động thực hiện tốt các giải pháp phòng, chống; tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi thực hiện tốt các giải pháp chăn nuôi an toàn sinh học đặc biệt lựa chọn con giống sạch bệnh

Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về công tác giống, quản lý chặt chẽ các cơ sở kinh doanh thức ăn, thuốc thú y và dịch vụ thú y, kịp thời ngăn chặn và hạn chế tình trạng lạm dụng thuốc kháng sinh, sử dụng kháng sinh cấm và các chất tăng trọng để tạo ra sản phẩm an toàn; tăng cường kiểm soát giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung, kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật xuất nhập tỉnh.

Phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại, duy trì chăn nuôi nông hộ theo hình thức hữu cơ truyền thống; phát triển chăn nuôi tập trung an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng.

3. Thủy sản

Tuyên truyền, vận động nông dân cải tạo ao, hồ, chuẩn bị tốt nhất mọi điều kiện để thả nuôi các đối tượng thủy sản theo lịch thời vụ thả nuôi một số đối tượng thủy sản trên địa bàn tỉnh mùa vụ năm 2023-2024 theo lịch thời vụ thả nuôi tại Công văn số 4743/UBND-NN ngày 23/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; quản lý tốt vùng nuôi hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm môi trường; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra vật tư đầu vào phục vụ nuôi thủy sản, tình hình kinh doanh, vận chuyển con giống thủy sản nhằm hạn chế tình trạng hàng hóa, con giống kém chất lượng; thực hiện thanh tra, kiểm tra liên ngành (theo phân cấp) và những tác động của sản xuất đến môi trường để có những giải pháp khắc phục kịp thời. Thực hiện quan trắc môi trường nước, thu mẫu giáp xác phân tích mầm bệnh và thông báo trên Đài Phát thanh – Truyền hình để người dân quản lý ao nuôi; tiếp tục tuyên truyền phổ biến đến người nuôi việc thực hiện đăng ký nuôi các đối tượng thủy sản chủ lực làm cơ sở cấp mã vùng nuôi, thực hiện các giải pháp ứng phó với dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản. Phối hợp các cơ quan chức năng và địa phương xử lý các tàu cá bốc dỡ hàng hóa không theo quy định. Tổ chức lại sản xuất trên biển theo mô hình hợp tác, liên kết chuỗi giữa khai thác - cung ứng dịch vụ hậu cần. Giảm khai thác thủy sản nội đồng, vùng cửa sông và hải sản gần bờ nhằm tái tạo lại nguồn lợi thủy sản.

4. Lâm nghiệp

Tiếp tục thực hiện kế hoạch trồng, chăm sóc rừng và giao khoán bảo vệ rừng năm 2023, kế hoạch thực hiện chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 – 2025; tiếp tục đơn đốc thực hiện Kế hoạch 84/KH-UBND ngày 20/9/2021 về trồng rừng, trồng cây xanh phân tán trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025; thực hiện Chỉ thị số 4/CT-TTg ngày 17/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để bảo tồn các loài chim hoang dã, di cư tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh; khẩn trương triển khai thực hiện chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững năm 2023 khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Tiếp tục tuyên truyền, vận động thường xuyên người dân nâng cao ý thức trong công tác phòng cháy rừng, nhắc nhở các hộ nhận khoán bảo vệ rừng thường xuyên công tác tuần tra quản lý bảo vệ rừng đã nhận khoán; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và quản lý động vật hoang dã, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm; phối hợp với Ban quản lý rừng phòng hộ thực hiện công tác giao đất, giao rừng. Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2024.

5. Phát triển nông thôn

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tham mưu tổ triển khai thực hiện tốt kế hoạch xây dựng NTM năm 2023; hỗ trợ hoàn chỉnh hồ sơ trình Trung ương công nhận huyện NTM, NTM nâng cao; kiểm tra tiến độ thực hiện xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu theo kế hoạch đăng ký và phân đầu. Tổ chức kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2023 theo kế hoạch

Ngành nghề nông thôn và Chương trình OCOP: Tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ thuộc lĩnh vực phát triển làng nghề, ngành nghề, giảm nghèo; tiếp tục phối hợp với UBND huyện Tiểu Cần thực hiện Dự án chuỗi giá trị tại Mật Hoa dứa; tiếp tục phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố đẩy nhanh tiến độ triển khai các nội dung thực hiện chính sách hỗ trợ cơ sở tham gia chương trình OCOP năm 2023; tổ chức họp Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2023; phối hợp vào các đơn vị in Tem sản phẩm OCOP và Tem truy xuất nguồn gốc; rà soát đăng ký xây dựng Câu chuyện sản phẩm OCOP; tổng hợp bảng điểm, báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP Hội đồng cấp tỉnh.

Kinh tế hợp tác: Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025; tiếp tục hỗ trợ, nâng chất các THT, HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục thực hiện Dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; dự án Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang; tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình; Rà soát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, đề xuất mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch cho người dân.

6. Xây dựng cơ bản, công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương xây dựng kế hoạch thủy lợi nội đồng năm 2024; trực vớt lục bình để khơi thông dòng chảy; theo dõi sát tình hình xâm nhập mặn, công tác phòng chống hạn mặn của địa phương, kịp thời tham mưu các biện pháp chỉ đạo bảo vệ sản xuất. Xây dựng kế hoạch tập huấn cho lực lượng thực hiện đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; Thực hiện hoàn thành các công trình duy tu, bảo dưỡng đê điều; thường xuyên kiểm tra các tuyến đê, kè bảo vệ bờ biển để tham mưu, đề xuất xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra; xây dựng kế hoạch phòng chống hạn, hạn xâm nhập mặn mùa khô 2023-2024, Kế hoạch phòng, chống thiên tai năm 2024.

Tập trung triển khai, kiểm tra, giám sát và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi, đê kè phục vụ sản xuất, dân sinh, phấn đấu giải ngân 100% nguồn vốn được phân bổ. Đồng thời, triển khai thực hiện nhanh các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn hỗ trợ sản phẩm công ích thủy lợi năm 2023.

7. Công tác chuyên môn

Tổ chức tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và trực tiếp tư vấn kỹ thuật sản xuất cho người dân; tiếp tục triển khai và theo dõi các mô hình khuyến nông thuộc các nguồn vốn sự nghiệp, Khuyến nông Quốc gia và dự án; phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện các phóng sự, tọa đàm, chuyên mục và bản tin thời sự về công tác khuyến nông.

Tổ chức tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý an toàn thực phẩm và hỗ trợ Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Tiểu Cần và phổ biến kiến thức, quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn để người dân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh nắm; thông tin kịp thời kết quả giám sát về ATTP nông lâm thủy sản trên Đài Truyền hình; thực hiện Chương trình giám sát, vệ sinh an toàn thực phẩm trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ và Chương trình giám sát dư lượng chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục sản xuất, điều tiết và cung ứng giống cây trồng, giống vật nuôi đảm bảo chất lượng cung ứng cho nông dân trên địa bàn tỉnh.

Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kiểm soát giết mổ, kiểm dịch động vật, các hộ kinh doanh gỗ và các lâm sản khác, kết hợp thu các mẫu sản phẩm, hàng hóa để phân tích, kiểm tra chất lượng; tăng cường công tác phối hợp với Công an tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Y Tế, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác thanh tra chuyên ngành.

Trên đây là báo cáo tình hình công tác tháng 10 và kế hoạch công tác tháng 11 năm 2023 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo triển khai thực hiện để đạt kết quả cao nhất./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Dũng



**ƯỚC TÍNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
THÁNG 10, 10 THÁNG NĂM 2023**

(Ước tính đến ngày 15/10/2023)

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 10	Ước TH 10 tháng	10 tháng so cùng kỳ	10 tháng so kế hoạch
	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
A	TRỒNG TRỌT							
	Cây hàng năm							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	247.218	254.014	38.833	251.606	101,78	99,05
	Tổng sản lượng	tấn	1.747.564	2.492.465	78.573	1.776.249	101,64	71,26
	Cây lương thực có hạt	Ha	202.535	205.129	36.653	206.487	101,95	100,66
1.	Cây lúa	Ha	199.101	201.429	36.398	203.144	102,03	100,85
	Sản lượng	tấn	745.409	1.093.313	30.695	737.671	98,96	67,47
b	Vụ mùa							
	- Diện tích xuống giống	Ha	1.090	1.142		1.142	104,79	100,00
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1.090	1.142		1.142	104,79	100,00
	- Năng suất	Tạ/ha	47,78	44,21		44,21	92,53	100,00
	- Sản lượng	tấn	5.206	5.048		5.048	96,97	100,00
c	Đông Xuân							
	- Diện tích xuống giống	ha	63.326	62.059		62.059	98,00	100,00
	- Diện tích thu hoạch	Ha	63.311	62.059		62.059	98,02	100,00
	- Năng suất	Tạ/ha	64,99	61,08		61,08	93,99	100,00
	- Sản lượng	tấn	411.482	379.085		379.085	92,13	100,00
d	Hè Thu							
	- Diện tích xuống giống	Ha	69.967	69.970		68.409	97,77	97,77
	- Diện tích thu hoạch	Ha	69.967	69.970	5.892	68.390	97,75	97,74
	- Năng suất	Tạ/ha	46,98	51,00	52,10	51,69	110,03	101,36
	- Sản lượng	tấn	328.721	356.816	30.695	353.538	107,55	99,08
e	Thu Đông					6.814,62		
	- Diện tích xuống giống	Ha	64.719	68.258	36.398	71.534	110,53	104,80
	- Diện tích thu hoạch	Ha		68.258				
	- Năng suất	Tạ/ha		51,62				
	- Sản lượng	tấn		352.364				
f	Vụ mùa 2023-2024							
	- Diện tích xuống giống	Ha	1.066		987	987	92,54	
	- Diện tích thu hoạch	Ha						
	- Năng suất	Tạ/ha						
	- Sản lượng	tấn						
2.	Cây màu							
	Diện tích gieo trồng	Ha	48.117	52.585	2.435	48.462	100,72	92,16
	Diện tích thu hoạch	Ha	40.378	52.585	1.858	39.205	97,09	74,56
	Sản lượng thu hoạch	tấn	1.002.155	1.399.152	47.877	1.038.578	103,63	74,23
a	Màu lương thực	Ha	5.617	5.970	348	5.430	96,67	90,96
	Cây bắp							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.434,2	3.700	254,90	3.343,2	97,35	90,36
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.717,1	3.700	12,41	2.699,41	99,35	72,96
	+ Năng suất	Tạ/ha	54,90	55,50	53,90	59,14	107,72	106,56
	+ Sản lượng	Tấn	14.917	20.535	67	15.964	107,02	77,74
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.210,90	1.300	80,40	1.212,40	100,12	93,26
	+ Diện tích thu hoạch	"	797,29	1.300	8,47	820,47	102,91	63,11
	+ Năng suất	Tạ/ha	171,40	168,90	174,10	178,63	104,22	105,76
	+ Sản lượng	Tấn	13.666	21.957	147	14.320	104,79	65,22

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 10	Ước TH 10 tháng	10 tháng so cùng kỳ	10 tháng so kế hoạch
	Khoai mì							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	607,0	570	6,80	551,80	90,91	96,81
	+ Diện tích thu hoạch	"	382,64	570	7,80	355,80	92,99	62,42
	+ Năng suất	Tạ/ha	163,20	192,11	164,50	186,8	114,46	97,24
	+ Sản lượng	Tấn	6.245	10.950	128	6.646	106,43	60,70
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	365,3	400	5,70	322,70	88,34	80,68
	+ Diện tích thu hoạch	"	228,74	400	11,37	203,37	88,91	50,84
	+ Năng suất	Tạ/ha	156,50	174,38	167,40	177,40	113,35	101,73
	+ Sản lượng	Tấn	3.580	6.975	190	3.608	100,78	51,72
b	Cây thực phẩm	Ha	29.690	32.575	1.463	28.363	95,53	87,07
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	29.228,7	32.100	1.460,0	27.891,00	95,42	86,89
	+ Diện tích thu hoạch	"	25.458,32	32.100	1.587,45	23.451,5	92,12	73,06
	+ Năng suất	Tạ/ha	228,50	226,10	226,9	227,80	99,69	100,75
	+ Sản lượng	Tấn	581.723	725.781	36.019	534.224	91,83	73,61
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	461,1	475	3,00	472,00	102,37	99,37
	+ Diện tích thu hoạch	"	398,52	475	8,27	335,27	84,13	70,58
	+ Năng suất	Tạ/ha	19,87	21,05	20,3	21,62	108,83	102,72
	+ Sản lượng	Tấn	792	1.000	17	725	91,56	72,50
c	Cây công nghiệp hàng năm		12.809	14.040	624	14.669	114,52	104,48
	Đậu phộng							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.098,4	4.420	10,0	4.202,00	102,53	95,07
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.752,66	4.420	45,12	3.678,1	98,01	83,22
	+ Năng suất	Tạ/ha	52,80	52,40	53,86	53,97	102,22	103,00
	+ Sản lượng	Tấn	19.814	23.161	243	19.851	100,19	85,71
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	1.304,2	1.300	8,7	1.410,70	108,17	108,52
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.034,22	1.300	25,4	1.232,4	119,17	94,80
	+ Năng suất	Tạ/ha	956,2	978,20	969,70	996,30	104,19	101,85
	+ Sản lượng	Tấn	98.892	127.166	2.467	122.788	124,16	96,56
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.309,4	2.570	13	2.329,12	100,85	90,63
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.733,98	2.570	28,5	1.733,5	99,97	67,45
	+ Năng suất	Tạ/ha	117,5	118,20	107,3	113,3	96,43	95,86
	+ Sản lượng	Tấn	20.374	30.377	306	19.640	96,40	64,66
	Cây trồng khác							
	+ Diện tích gieo trồng	ha	5.097,40	5.750	592,0	6.727,30	131,98	117,00
	+ Diện tích thu hoạch	ha	3.874,45	5.750	123,0	4.695,0	121,18	81,65
	+ Sản lượng	Tấn	242.153	431.250	8.293	300.812	124,22	69,75
B	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	79	50	-	36	45,57	72,00
	- Chăm sóc rừng	Ha	310	116		116	37,42	100,00
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	3.435	3.490		3.348,74	97,49	95,95
C	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	57.474	52.100	1.460	58.782	102,28	112,82
1.1	Nuôi nước ngọt	"	4.135	3.500	403	4.489	108,56	128,25
	- Diện tích nuôi cá	"	2.164	2.000	233	2.402	111,04	120,12
	Trong đó: + Cá tra	"	19	50		24	128,65	48,32
	+ Cá lóc	"	448	480	52	488	109,02	101,73
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	1.971	1.500	170	2.086	105,84	139,10
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1.971	1.500	170	2.086	105,84	139,10

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 10	Ước TH 10 tháng	10 tháng so cùng kỳ	10 tháng so kế hoạch
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	53.339	48.600	1.057	54.293	101,79	111,71
	- Diện tích nuôi cá	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	52.789	47.800	1.055	53.759	101,84	112,47
	Trong đó: + Tôm sú	"	22.616	19.500	426	24.060	106,39	123,39
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	7.818	8.300	250	7.072	90,46	85,21
	+ Cua biển	"	22.355	20.000	380	22.626	101,21	113,13
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"	550	800	2	534	97,12	66,77
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	188.151	244.550	18.656	211.232	112,27	86,38
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	147.810	180.200	13.309	167.052	113,02	92,70
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	66.484	82.200	6.980	71.942	108,21	87,52
	- Sản lượng cá	"	64.758	80.000	6.840	69.861	107,88	87,33
	Trong đó: + Cá tra	"	8.543	7.000	676	11.447	133,99	163,53
	+ Cá lóc	"	45.903	55.500	4.853	49.831	108,56	89,79
	- Sản lượng giáp xác	"	1.726	2.200	140	2.082	120,60	94,62
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1.726	2.200	140	2.082	120,60	94,62
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
4.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	81.326	98.000	6.329	95.109	116,95	97,05
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	78.239	95.000	5.979	89.276	114,11	93,97
	Trong đó: + Tôm sú	"	11.950	13.300	640	12.600	105,44	94,73
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	61.145	75.500	4.593	71.104	116,29	94,18
	+ Nuôi cua biển	"	5.144	6.200	747	5.572	108,33	89,87
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	3.087	3.000	350	5.833	188,96	194,44
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	40.341	64.350	5.347	44.180	109,52	68,66
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	34.700	57.500	4.912	37.956	109,38	66,01
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	19.975	29.500	2.307	22.256	111,42	75,44
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	3.178	5.500	410	3.418	107,54	62,15
	+ SL hải sản khác khai thác	"	11.547	22.500	2.195	12.282	106,36	54,59
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	5.641	6.850	435	6.224	110,34	90,86
	Trong đó: - Cá các loại	"	1.466	1.800	114	2.065	140,89	114,72
	- Tôm các loại	"	641	550	89	669	104,35	121,64
	- Thủy sản khác	"	3.534	4.500	232	3.490	98,76	77,56
	* Tình hình thiệt hại tôm sú							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	19.762		435	21.063	107	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2.232		91	1.369	61	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	21.791,93		426	24.060	110	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	1.181		53	726	61	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1.366		267	1.516	111	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	192		14	128	67	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	14,1		5	8	60	
	* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	17.965		828	16.832	94	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2.475		180	2.553	103	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	7.467,32		250	7.072	95	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	886		128	1.042	118	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	4.560		244	5.146	113	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	544		59	649	119	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	11,9		24	13	106	